Mizuho Bank, Ltd.

HO CHI MINH CITY BRANCH

18th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Boulevard, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84) 28-38278260/92; Fax: (84) 28-38219160

CASH WITHDRAWAL SLIP

(Phiếu rút tiền mặt)

PLEASE FILL IN BOLD FRAMES ONLY / Xin vui lòng chỉ điền vào trong khung đậm

DATE (Ngày)	

TOTAL AMOUNT WITHDRAWN (Tổng số tiền rút là)	CURRENCY (Loại tiền)	AMOUNT (Số tiền)	OR EQUIVALENT TO (Hoặc tương đương với)
	IN WHICH, AMT EXCHANGED TO VND: (Trong đó, số tiền đổi ra VND là)		
CCY AND TOTAL AMT IN WORDS (Loại tiền và tổng số tiền bằng chữ)	.....		

SETTLEMENT BY (Thanh toán bằng) ⇨	PLEASE DEBIT (Đề nghị ghi nợ)	CUSTODIAN A/C (T/K giữ hộ)	OTHER (Khác)
FOR WITHDRAWN AMOUNT (Cho số tiền rút)	☐ A/C NO (T/K số):	☐	
FOR BANK CHARGE (Cho phí Ngân hàng)	☐ THE ABOVE A/C (T/K trên) ☐ OR A/C NO (Hoặc T/K khác):	☐	

I/WE HEREBY AUTHORISE MR/MRS ID/PASSPORT NO.:
Tôi/Chúng tôi ủy quyền cho Ông/Bà: ..... (CMTND/HC SỐ) :.....
TO PICK UP THE CASH ON MY/OUR BEHALF (Nhận tiền thay)

ACCOUNT NAME (Tên tài khoản)	**RECEIVER'S SIGNATURE** (Chữ ký người nhận tiền)
AUTHORISED SIGNATURE(S) (Chữ ký thẩm quyền) CORPORATE SEAL IF ANY (Dấu công ty nếu có)	

FOR BANK'S USE ONLY **(Phần dành cho Ngân hàng)**

VND Notes	**No.** (Số tờ)	**Amount** (Thành tiền)
@500,000		
@200,000		
@100,000		
@50,000		
@20,000		
@10,000		
@5,000		
@2,000		
@1,000		
@500		
@200		
Total (TC)		

USD Notes	**No.** (Số tờ)	**Amount** (Thành tiền)
@100		
@50		
@20		
@10		
@5		
@2		
@1		
Total (TC)		

FOR BANK'S USE ONLY

(In case of Foreign Exchange)

Our Buy :

Our Sell :

Exchange rate:

Trans No.: _____

Approved	Checked	Entered	Sig. Verify

Mizuho Bank, Ltd.
HO CHI MINH CITY BRANCH
18th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Boulevard, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84) 28-38278260/92; Fax: (84) 28-38219160

CASH WITHDRAWAL SLIP

(Phiếu rút tiền mặt)

PLEASE FILL IN BOLD FRAMES ONLY / Xin vui lòng chỉ điền vào trong khung đậm

DATE (Ngày)	

TOTAL AMOUNT WITHDRAWN (Tổng số tiền rút là)	CURRENCY (Loại tiền)	AMOUNT (Số tiền)	OR EQUIVALENT TO (Hoặc tương đương với)
	IN WHICH, AMT EXCHANGED TO VND: (Trong đó, số tiền đổi ra VND là)		
CCY AND TOTAL AMT IN WORDS (Loại tiền và tổng số tiền bằng chữ)	.....		

SETTLEMENT BY (Thanh toán bằng) ⇨	PLEASE DEBIT (Đề nghị ghi nợ)		OTHER (Khác)
		CUSTODIAN A/C (T/K giữ hộ)	
FOR WITHDRAWN AMOUNT (Cho số tiền rút)	☐ A/C NO (T/K số):	☐	
FOR BANK CHARGE (Cho phí Ngân hàng)	☐ THE ABOVE A/C (T/K trên) ☐ OR A/C NO (Hoặc T/K khác):	☐	

I/WE HEREBY AUTHORISE MR/MRS ID/PASSPORT NO.:
Tôi/Chúng tôi ủy quyền cho Ông/Bà: ..... (CMTND/HC SỐ) :.....
TO PICK UP THE CASH ON MY/OUR BEHALF (Nhận tiền thay)

ACCOUNT NAME (Tên tài khoản)	**RECEIVER'S SIGNATURE** (Chữ ký người nhận tiền)
AUTHORISED SIGNATURE(S) (Chữ ký thẩm quyền) CORPORATE SEAL IF ANY (Dấu công ty nếu có)	

COPY

FOR BANK'S USE ONLY **(Phần dành cho Ngân hàng)**

VND Notes	**No.** (Số tờ)	**Amount** (Thành tiền)
@500,000		
@200,000		
@100,000		
@50,000		
@20,000		
@10,000		
@5,000		
@2,000		
@1,000		
@500		
@200		
Total (TC)		

USD Notes	**No.** (Số tờ)	**Amount** (Thành tiền)
@100		
@50		
@20		
@10		
@5		
@2		
@1		
Total (TC)		

FOR BANK'S USE ONLY
(In case of Foreign Exchange)
Our Buy :
Our Sell :
Exchange rate:

Trans No.: _____

Approved	Checked	Entered	Sig. Verify